

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VIỆC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

Lê Thị Bích Phượng\*

## TÓM TẮT

*Đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học là vấn đề quan trọng cấp thiết trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả khảo sát của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên tại trường, bài viết cung cấp những thông tin xác thực, tin cậy về thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Cửu Long, góp phần phát huy những mặt mạnh của trường theo định hướng đổi mới giáo dục toàn diện và khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.*

*Từ khóa: quản lý, kiểm tra, đánh giá, hoạt động học tập, học chế tín chỉ, trường Đại học Cửu Long.*

## ABSTRACT

*Training highly-qualified human resource, talent development, quality development and self-learning ability, self-enriching knowledge and creativity of learners is an urgent issue in fundamental renewal, education and training in Vietnam. By analyzing and evaluating the survey results of managers, lecturers and students at the university, the article provides valid and reliable information on the status of management of the examination and evaluation. The students' learning activities in credit-based training at Mekong University contribute to promoting the strengths of the school in the direction of comprehensive education reform and overcome the limitations and weaknesses.*

*Keywords: management, test, assess, learning activities, study credit, Mekong University*

### 1. Đặt vấn đề

Quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên là rất cần thiết vì giúp cho nhà trường định hướng phát triển theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đối với giáo dục đại học, mục tiêu

của nó là tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. [1].

Trường Đại học Cửu Long đã từng bước đổi mới giáo dục theo chủ trương của Đảng và Nhà nước bằng cách cụ thể hóa Quy chế của Bộ thành quy chế riêng của trường, từ khâu tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi học phần

\* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Cửu Long

đến xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đều được thực hiện chặt chẽ và bám sát Quy chế của Bộ [3].

Thực trạng công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại trường theo học chế tín chỉ đang được các cấp lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Nhà trường đã xây dựng Quy định về tổ chức thi học kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên theo hướng khách quan và hiệu quả, đúng quy chế [2].

## 2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn (03 mẫu phiếu hỏi).

- Khách thể điều tra, khảo sát: gồm 2 nhóm

+ Nhóm 1: 89 cán bộ quản lý và giảng viên (Cán bộ quản lý: 19 người; Giảng viên: 70 người) là lãnh đạo trường, lãnh đạo phòng, ban, khoa và giảng viên thuộc Trường Đại học Cửu Long.

+ Nhóm 2: 650 sinh viên (năm ba, năm tư: 350 người; năm nhất, năm hai: 300 người) của Trường Đại học Cửu Long.

- Thang đánh giá các câu hỏi: Sử dụng thang điểm 5, mỗi câu hỏi được đánh giá với 05 mức độ khác nhau; ý nghĩa của các mức độ với quy ước như sau: 1 điểm - rất yếu/ không ảnh hưởng; 2 điểm - yếu/ ít ảnh hưởng; 3 điểm - trung bình; 4 điểm - khá tốt/ khá ảnh hưởng; 5 điểm - rất tốt/ rất ảnh hưởng.

- Điểm trung bình các nội dung khảo sát được phân loại thành các mức độ: từ 1,0 đến 1,8: kém; từ 1,81 đến 2,6: yếu; từ 2,61 đến 3,4: trung bình; từ 3,41 đến 4,2: khá; và từ 4,21 đến 5,0: tốt.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ

### quản lý, giảng viên, sinh viên về tầm quan trọng của quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát 89 cán bộ quản lý và giảng viên (cán bộ quản lý: 19 người; giảng viên: 70 người) cho thấy sự quan tâm của lãnh đạo trường, khoa, bộ môn, giảng viên đối với công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên ở tại Trường Đại học Cửu Long là rất cao. Tỷ lệ đối tượng không quan tâm đến việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại trường là 0%. Đối tượng cán bộ quản lý có mức nhận thức cao nhất là “Rất quan tâm” với tỷ lệ 89.5%, giảng viên có mức nhận thức “Quan tâm” đối với công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên, chiếm tỷ lệ là 85.7%. Với điểm trung bình chung là 3.89 đối với cán bộ quản lý và điểm trung bình chung là 3.06 đối với giảng viên tương ứng với mức nhận thức từ “Tốt” đến “Khá” với 2 nhóm cán bộ quản lý và giảng viên để thấy rằng cán bộ quản lý là những người đặc biệt quan tâm đến việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại trường. Cán bộ quản lý là những người trực tiếp thực hiện công tác quản lý nên họ có cái nhìn toàn diện, chính xác và thấy rõ được tầm quan trọng của nó từ đó sẽ có những giải pháp thiết thực, phù hợp giúp công tác quản lý chuyên môn cũng như quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại trường đạt hiệu quả cao nhất. Bên cạnh, một số ít giảng viên vẫn chưa nhận thức đầy đủ và thiếu quan tâm đến quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại trường (tỷ lệ 4.3% khi được khảo sát cho rằng “Ít quan tâm” đến công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên).

Tóm lại, các nhà quản lý cần có biện pháp khắc phục nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, giảng viên về công tác quản

lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên. Kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập là khâu then chốt quyết định suốt cả quá trình học tập của sinh viên tại trường đại học và ảnh hưởng tới hoạt động nghề nghiệp về sau của các em. Chính vì vậy, sự quan tâm ngay từ ban đầu là hết sức cần thiết và cần phải được nâng cao hơn nữa để biến sự quan tâm thành hành động cụ thể của các nhà quản lý cho đến giảng viên đang làm việc tại trường Đại học Cửu Long.

### 3.2. Thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập của sinh viên

Kết quả thống kê số liệu khảo sát 2 nhóm đối tượng cho thấy cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá mức độ thực hiện các biện pháp quản lý việc kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập của sinh viên trải dài từ “Khá” đến “Tốt” từ khâu xây dựng kế hoạch, thực hiện, chỉ đạo đến các biện pháp kiểm tra. Tương ứng với các yếu tố có điểm trung bình từ thấp nhất là 3.74 đến cao nhất là 4.64. Yếu tố “Có biện pháp kiểm tra việc cho điểm, đánh giá quá trình của sinh viên đối với giảng viên” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 4.64, xếp thứ hạng 1/4. Ngược lại, sinh viên lại cho đây là yếu tố với

mức thực hiện thấp nhất với điểm trung bình là 3.00, xếp thứ hạng 4/4 đạt mức độ “Trung bình”. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chênh lệch về đánh giá mức độ thực hiện có thể lý giải như sau: cán bộ quản lý là những người trực tiếp đưa ra các biện pháp kiểm tra, giảng viên là những người thực hiện việc kiểm tra, đánh giá quá trình của sinh viên, còn sinh viên là những người được đánh giá, cho điểm, chính vì vậy không thể tránh khỏi sự chủ quan trong công tác quản lý, kiểm tra đánh giá quá trình của sinh viên đối với giảng viên. Các yếu tố còn lại được cả 2 nhóm đối tượng đánh giá ở mức tương đồng nhau với mức độ “Khá”.

Qua đó cho thấy nhà trường đã có các biện pháp quản lý việc kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập của sinh viên khá đầy đủ và được thực hiện một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, nhà trường cần đưa ra các biện pháp cụ thể để sinh viên thực hiện và giúp các em có cái nhìn khách quan hơn về công tác này nhằm phát triển và nâng cao hơn nữa các biện pháp quản lý tại trường giúp sinh viên đạt được kết quả tốt nhất.

### 3.3. Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ của sinh viên

Biện pháp	CBQL				GV			
	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ
Lập kế hoạch thi cuối kỳ cho SV theo kế hoạch đào tạo đã ban hành	4.89	0.459	1	Tốt	4.83	0.538	1	Tốt
Tổ chức thực hiện các khâu: ra đề, coi thi, chấm thi, công bố kết quả thi	4.89	0.315	1	Tốt	3.77	0.453	3	Khá
Chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá thi cuối kỳ cho sinh viên	4.79	0.713	2	Tốt	4.81	0.490	2	Tốt
Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kiểm tra, đánh giá cuối kỳ	3.84	0.602	3	Khá	3.69	0.498	4	Khá
Điểm trung bình chung (ĐTB) các yếu tố	<b>4.60</b>				<b>4.28</b>			

*Chú thích: CBQL: Cán bộ quản lý, GV: Giảng viên, SV: Sinh viên, ĐTB: Điểm trung bình, ĐLC: Độ lệch chuẩn, TH: Thứ hạng, MĐ: Mức độ*

Công tác quản lý kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ cho SV là nhiệm vụ của CBQL và GV của trường. Bảng thống kê trên cho ta thấy được mức độ thực hiện các biện pháp ở hai đối tượng trên. Với yếu tố “Lập kế hoạch thi cuối kỳ cho SV theo kế hoạch đào tạo đã ban hành” (có ĐTB CBQL = 4.89, GV = 4.83; xếp thứ hạng 1/4) và “Chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá thi cuối kỳ cho sinh viên” (có ĐTB CBQL = 4.79, GV = 4.81; xếp thứ hạng 2/4) đều được CBQL và GV đánh giá với mức độ thực hiện là “Tốt”. Riêng biện pháp “Tổ chức thực hiện các khâu: ra đề, coi thi, chấm thi, công bố kết quả thi” được CBQL đánh giá “Tốt” (ĐTB = 4.89; xếp thứ hạng 1/4), GV lại đánh giá ở mức “Khá” (ĐTB = 3.77; xếp thứ hạng 3/4).

Kết quả này cho thấy GV chưa có sự hài lòng cao ở khâu ra đề thi, coi thi, chấm thi và công bố kết quả thi, nguyên nhân có thể là do một số GV là thỉnh giảng từ các trường ở thành phố và các khu vực lân cận được mời tham gia giảng dạy tại trường, phụ thuộc nhiều về yếu tố khách quan nên công tác ra đề, chấm thi còn chậm trễ so với thời gian quy định dẫn đến ảnh hưởng đến thời gian công bố kết quả thi của trường. Đây là vấn đề khó khăn mà nhà trường cần khắc phục trong thời gian sớm nhất.

### 3.4. Thực trạng quản lý kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo

#### 3.4.1. Thực trạng quản lý việc nhập điểm quá trình, điểm thi học kỳ

Nội dung	CBQL, GV				SV			
	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ
Quy định thang điểm, trọng số điểm quá trình và điểm thi	3.92	0.742	3	Khá	3.03	0.887	4	Trung bình
Hình thức nhập điểm quá trình, điểm thi học kỳ	3.92	0.695	3	Khá	3.28	0.630	3	Trung bình
Tính khách quan trong quá trình nhập điểm quá trình, điểm thi	3.93	0.636	2	Khá	3.54	0.708	2	Khá
Đảm bảo tính bảo mật trong công tác nhập điểm	4.76	0.544	1	Tốt	4.19	0.736	1	Khá
Điểm trung bình chung (ĐTBC) các yếu tố	<b>4.13</b>				<b>3.51</b>			

*Chú thích: CBQL: Cán bộ quản lý, GV: Giảng viên, SV: Sinh viên, ĐTB: Điểm trung bình, ĐLC: Độ lệch chuẩn, TH: Thứ hạng, MD: Mức độ*

Từ kết quả khảo sát ở trên, nội dung “Đảm bảo tính bảo mật trong công tác nhập điểm” được CBQL, GV đánh giá với mức độ hài lòng cao nhất “Tốt” (ĐTB = 4.76; xếp thứ hạng 1/4), kế đến là yếu tố “Tính khách quan trong quá trình nhập điểm quá trình, điểm thi” (ĐTB = 3.93; xếp thứ hạng 2/4) với mức

độ “Khá” và thấp nhất là nội dung “Quy định thang điểm, trọng số điểm quá trình và điểm thi”, “Hình thức nhập điểm quá trình, điểm thi học kỳ” (ĐTB = 3.92; đồng xếp hạng 3). Các nội dung theo nhận thức mức độ hài lòng của CBQL và GV là khá cao cho thấy việc quản lý nhập điểm quá trình, điểm thi thực hiện rất

nghiêm túc, theo đúng quy định và trình tự, đảm bảo tính bảo mật cao.

Đối với SV, các nội dung cũng được đánh giá ở mức trung bình đến khá hài lòng, giống với nhận định của CBQL, GV yếu tố được SV đánh giá cao nhất là “Đảm bảo tính bảo mật trong công tác nhập điểm” (ĐTB = 4.19; xếp thứ hạng 1/4; MĐ = Khá), kế đến “Tính khách quan trong quá trình nhập điểm quá trình, điểm thi” (ĐTB = 3.54; xếp thứ hạng 2/4; MĐ = Khá), “Hình thức nhập điểm quá trình, điểm thi học kỳ” (ĐTB = 3.28; xếp thứ hạng 3/4; MĐ = Trung bình) và thấp nhất là nội dung “Quy định thang điểm, trọng số điểm

quá trình và điểm thi” (ĐTB = 3.03; xếp thứ hạng 4/4; MĐ = Trung bình). Từ đó thấy được SV cũng phần nào hiểu và đánh giá tương đối chính xác công tác quản lý việc nhập điểm của SV tại trường. Đây là khâu hết sức quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của các em, với góc độ là người được hỏi về mức độ hài lòng với chính kết quả của bản thân, các em đã thẳng thắn nhận xét mặc dù còn ảnh hưởng của nhiều yếu tố chủ quan nhưng có thể xem đây là nhận định khách quan nhất từ các em SV đang học tại trường.

### 3.4.2. Thực trạng quản lý việc lưu trữ điểm và công bố điểm

Nội dung	CBQL, GV			SV năm 1, 2			SV năm 3, 4		
	ĐTB	TH	MĐ	ĐTB	TH	MĐ	ĐTB	TH	MĐ
Công tác lưu trữ điểm theo trình tự	3.99	2	Khá	3.66	2	Khá	3.69	1	Khá
Hình thức quy đổi điểm theo học chế tín chỉ	3.94	3	Khá	3.05	4	Trung bình	3.54	2	Khá
Điểm được công bố nhanh chóng và chính xác	4.73	1	Tốt	3.64	3	Khá	3.44	3	Khá
Điểm được công bố đến các Khoa, Phòng chức năng theo đúng tiến độ	3.79	4	Khá	3.69	1	Khá	3.44	3	Khá
Điểm trung bình chung (ĐTBC) các yếu tố	<b>4.11</b>			<b>3.51</b>			<b>3.53</b>		

*Chú thích: CBQL: Cán bộ quản lý, GV: Giảng viên, SV: Sinh viên, ĐTB: Điểm trung bình, DLC: Độ lệch chuẩn, TH: Thứ hạng, MĐ: Mức độ*

Căn cứ kết quả khảo sát ở trên, có thể nhận xét rằng: mức độ hài lòng của CBQL, GV về quản lý công tác lưu trữ và công bố điểm là cao nhất, kế đến là SV năm 3, năm 4 và nhóm SV năm 1, năm 2 là thấp nhất.

Đối với CBQL, GV đại đa số cho rằng “Điểm được công bố nhanh chóng và chính

xác” (ĐTB = 4.73; xếp hạng 1/4; MĐ = Tốt), kế đến là “Công tác lưu trữ điểm theo trình tự” (ĐTB = 3.99; xếp hạng 2/4; MĐ = Khá), nội dung “Hình thức quy đổi điểm theo học chế tín chỉ” (ĐTB = 3.94; xếp hạng 3/4; MĐ = Khá) và thấp nhất là yếu tố “Điểm được công bố đến các Khoa, Phòng chức năng theo đúng tiến độ” (ĐTB = 3.79; xếp hạng 4/4; MĐ = Khá).

Đối với SV năm 1, năm 2 mức độ hài lòng các nội dung cũng khá đồng đều chỉ riêng yếu tố “Hình thức quy đổi điểm theo học chế tín chỉ” được đánh giá với mức hài lòng không cao “Trung bình”. Nhằm hiểu rõ hơn về sự khác biệt này, CBQL kiêm GV thuộc khoa A, cô L.T.L.M cho biết: *đa số những SV năm 1, năm 2 là những học sinh ở các trường Trung học phổ thông mới bước vào ngưỡng cửa đại học, các em chưa nắm hết được hình thức đào tạo theo tín chỉ, đối với các em đây là hình thức còn khá mới mẻ, dẫn đến việc các em chưa quen với cách thức tính điểm, quy đổi theo học chế tín chỉ là điều hiển nhiên. Để cải thiện được tình hình này, cố vấn học tập và phòng Công tác SV sẽ là những người theo sát và hướng dẫn các em hiểu rõ Quy chế cũng như Quy định nhà*

*trường theo học chế tín chỉ hiện hành bằng nhiều hình thức lồng ghép vào chương trình học sinh hoạt đầu Khóa, báo cáo chuyên đề...*

Nhìn chung, công tác quản lý việc lưu trữ và công bố điểm tại trường Đại học Cửu Long đều nhận được sự hài lòng cao từ các đối tượng, tuy còn có sự khác nhau giữa các đối tượng nhận thức nhưng sự khác nhau đó là có căn cứ và không đáng kể. Qua đó, nhà trường cần phải quan tâm tổ chức triển khai, tập huấn thường xuyên các văn bản, các quy định, quy chế để việc kiểm tra, đánh giá ngày càng đạt hiệu quả cao.

### 3.4.3. Thực trạng quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm

Nội dung	CBQL, GV				SV			
	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ	ĐTB	ĐLC	TH	MĐ
Sinh viên có thể truy cập xem điểm ở mọi nơi	3.67	0.560	2	Khá	3.18	0.646	3	Trung bình
Tốc độ đường truyền internet trong khuôn viên trường	2.56	0.753	4	Trung bình	2.90	1.750	4	Trung bình
Phần mềm cập nhật điểm trên hệ thống mạng internet	3.60	0.985	3	Khá	3.52	0.732	2	Khá
Tiết kiệm chi phí cho nhà trường	4.70	0.745	1	Tốt	3.57	0.681	1	Khá
Điểm trung bình chung (ĐTB) các yếu tố	<b>3.63</b>				<b>3.29</b>			

*Chú thích: CBQL: Cán bộ quản lý, GV: Giảng viên, SV: Sinh viên, ĐTB: Điểm trung bình, ĐLC: Độ lệch chuẩn, TH: Thứ hạng, MĐ: Mức độ*

Từ kết quả thống kê, đối với CBQL, GV ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điểm có ưu điểm lớn là giúp tiết kiệm chi phí cho nhà trường (có ĐTB = 4.70; xếp thứ hạng 1/4; MĐ = Tốt), SV có thể truy cập xem điểm ở mọi nơi (có ĐTB = 3.67; xếp thứ hạng 2/4; MĐ = Khá), phần mềm cập nhật

điểm trên hệ thống mạng internet (có ĐTB = 3.60; xếp thứ hạng 3/4; MĐ = Khá) và yếu tố không nhận được sự hài lòng cao từ CBQL, GV là tốc độ đường truyền internet trong khuôn viên trường (với ĐTB = 2.56; xếp thứ hạng 4/4; MĐ = Trung bình).

Đối với SV, yếu tố “Tiết kiệm chi phí cho nhà trường” được sự đồng thuận cao nhất (ĐTB = 3.57; xếp thứ hạng 1/4; MĐ = Khá), kế đến là “Phần mềm cập nhật điểm trên hệ thống mạng internet” (ĐTB = 3.52; xếp thứ hạng 2/4; MĐ = Khá), “Sinh viên có thể truy cập xem điểm ở mọi nơi” (ĐTB = 3.18; xếp thứ hạng 3/4; MĐ = Trung bình) và yếu tố với mức hài lòng thấp nhất là “Tốc độ đường truyền internet trong khuôn viên trường” (ĐTB = 2.90; xếp thứ hạng 4/4; MĐ = Trung bình).

Tóm lại, nhà trường cần tăng cường nâng cấp hệ thống mạng internet sao cho phù hợp với nhu cầu sử dụng chung cho toàn trường nhằm tạo điều kiện học tập, nâng cao kiến thức cho bản thân, tiếp cận những tri thức mới thông qua các tài liệu vô cùng lớn mà internet mang lại.

#### 4. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên tại Trường Đại học Cửu Long, cho thấy đa số cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên trường đều nhận thức được tầm quan trọng công tác này. Nhà trường cần có biện pháp quản lý việc kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên để hoạt động này được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng quy định. Các vị lãnh đạo nhà trường cần phát huy hơn nữa công tác quản lý để nâng cao chất lượng cũng

như hoạt động học tập của sinh viên trường ngày một tốt hơn, nâng cao thương hiệu, uy tín của trường trong và ngoài nước. Bên cạnh những mặt mạnh cần phát huy, nhà trường cần khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại giúp chất lượng đào tạo ngày một phát triển toàn diện.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Trường Đại học Cửu Long (2013), *Quy định thi học kỳ, học phần Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Ban hành kèm theo quyết định số 126/QĐ-DCL ngày 18 tháng 04 năm 2013, Vĩnh Long.
3. Trường Đại học Cửu Long (2015), *Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Ban hành theo quyết định số 404/QĐ-DCL ngày 22 tháng 09 năm 2015, Vĩnh Long.

Ngày nhận bài: 14/6/2018

Ngày gửi phản biện: 28/6/2018